TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 01-3-2024
V/v tranh chấp: "Chia tài sản chung sau khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thơ**

Các Thẩm phán: 1/ Bà **Lưu Thị Thu Thủy**

2/ Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Võ Thị Liễu Hạnh** -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2024/TLPT-HNGĐ ngày 03/01/2024 về việc tranh chấp: "Chia tài sản chung sau khi ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 534/2023/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Huỳnh Tấn T, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T là:

- Luật sư Nguyễn Hồng H - Công ty L2 và cộng sự - Đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

- Luật sư Huỳnh Quốc N - Công ty L2 và cộng sự - Đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Hà Tấn P, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

3.2 Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (vắng mặt);

Địa chỉ: D N, phường E, quận C, TP Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 139 N, phường D, TP M, Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Huỳnh Tấn T là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 319/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo nội dung của theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 319/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/5/2019 thì về tài sản chung và nợ chung trước đây anh T và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên do không thỏa thuận được nên nay chị L khởi kiện yêu cầu chia các tài sản chung như sau:

- 38 lượng vàng 24K, do anh T đang quản lý; Đồ điện máy, gia dụng trong nhà: Chị L đồng ý nhận 01 ti vi, 01 máy lạnh, 01 máy giặt, 01 giường nệm, 01 tủ lạnh; tài sản còn lại chị đồng ý để anh T quản lý sử dụng (02 nồi cơm điện, 01 máy ép trái cây, 01 hệ thống camera 08 camera con, 01 giường, 01 bàn làm việc); Công cụ dụng cụ dùng để sản xuất gia công vàng (01 máy cân vàng, 01 máy cắt ống vàng, 01 máy đánh bóng; 01 máy cắt dẻ, 01 máy rung kim, 01 máy bào lắc tay, 01 máy cân vàng điện tử, 40 mũi làm lắc - do anh T đang quản lý sử dụng), do chị L không làm nghề sản xuất gia công vàng nữa nên đồng ý giao lại cho anh T toàn quyền quản lý sử dụng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quyền sử dụng đất tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do anh T đang quản lý sử dụng và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị L yêu cầu nhận hiện vật trả giá trị cho anh T.

- Ống vọt (do anh T đang quản lý sử dụng), giá trị tạm tính 100.000.000 đồng. Chị L xác định có người tên T1 biết về sự việc có tài sản này, chị sẽ cung cấp thông tin về người làm chứng biết sự việc này.

- Quyền sử dụng đất thửa đất ở mặt tiền huyện lộ 16A, Gò Công Tây, cách chợ K1 liên xã A gần 100m. Hiện đang thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng A

– Chi nhánh T5, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ngân hàng đang giữ, ly hôn yêu cầu chia đôi, chị yêu cầu nhận hiện vật.

- Xe bán tải biển số 63C-11162, theo giá trị Hội đồng định giá đã định là 700.000.000đồng, chị đồng ý để anh T quản lý sử dụng, anh T hoàn lại cho chị ½ giá trị xe.

Về nợ chung:

- Nợ vay Ngân hàng A – Chi nhánh T5 350.000.000 đồng (Vay thế chấp quyền sử dụng đất).

- Nợ vay Ngân hàng A – Chi nhánh T5 650.000.000 đồng.

Tổng nợ chung: 1.000.000.000 đồng (Vay mua và thế chấp xe).

Các khoản cho vay, mượn: Cho ông Hà Tấn P mượn 01 lượng vàng 24K, tạm tính 36.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Thùy L yêu cầu chia các tài sản chung và nợ chung nói trên theo đúng quy định của pháp luật, tạm tính chị L và anh T mỗi người được 1.334.000.000 đồng tài sản chung và chịu trách nhiệm trả 500.000.000 đồng nợ chung. Đối với khoản vàng cho anh Hà Tấn P vay mượn, chị L yêu cầu anh Hà Tấn P trả lại 01 lượng vàng 24K và chia tài sản chung này theo đúng quy định pháp luật, tạm tính chị L và anh T mỗi người được 18.000.000 đồng.

Bị đơn anh Huỳnh Tấn T trình bày:

- Đối với quyền sử dụng đất tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang có diện tích 1.599,2m^2 loại đất cây lâu năm. Sau khi chuyển nhượng cho Võ Phát N1, Huỳnh Thị Cẩm N2 và Huỳnh Thị Mỹ P1 thì hiện nay chỉ còn lại diện tích khoảng 178,4m^2, thuộc thửa 3233, tờ bản đồ số 3. Anh T đồng ý cho chị L toàn quyền quản lý sử dụng, chị L hoàn lại cho anh ½ giá trị tài sản.

- Đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa 462, tờ bản đồ số 21, diện tích 417,5m2, tại ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang, hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp cho Ngân hàng TMCP Á – Chi nhánh T5 để vay số tiền 350.000.000đồng. Anh đồng ý chia đôi.

- Xe bán tải hiệu Ford Ranger biển số 63C-11162, nguồn tiền mua xe gồm 650.000.000 đồng vay của Ngân hàng và 250.000.000 đồng là tiền cá nhân của anh T, hiện nay giấy tờ xe đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Á – Chi nhánh T5 để vay tiền. Anh T đã trả cho Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng nên còn nợ lại 450.000.000 đồng. Anh yêu cầu nhận xe, chia lại cho chị L ½ giá trị xe.

- Đồ điện máy, gia dụng trong nhà: Anh đồng ý để chị L nhận 01 ti vi, 01 máy lạnh, 01 máy giặt, 01 giường nệm, 01 tủ lạnh; tài sản còn lại anh đồng ý

nhận gồm (02 nồi cơm điện, 01 máy ép trái cây, 01 hệ thống camera 08 camera con, 01 giường, 01 bàn làm việc).

- Dụng cụ gia công vàng do cha mẹ của anh T để lại cho anh T mượn để hành nghề khi cha mẹ anh đi định cư ở nước ngoài, chị L không yêu cầu thì anh thống nhất.

- Ống vọt mà chị L trình bày hiện tại không còn.

- Đối với 38 lượng vàng 24k mà chị L trình bày thì anh xác định là không có.

- Đối với các khoản vay mượn: Ông Hà Tấn P mượn 01 lượng vàng 24k, ông P sẽ có nghĩa vụ trả cho anh 01 lượng vàng 24k, anh sẽ tự nguyện giao lại cho chị L 05 chỉ vàng 24k. Đối với số vàng vợ chồng anh Trần Ngọc M và bà Nguyễn Thị Thùy T2 ở ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang nợ 01 lượng vàng 24k và 10.000.000 đồng, anh không có yêu cầu.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng, mỗi người chịu trách nhiệm trả ½ nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hà Tấn P trình bày:

Vào năm 2018 anh P có mượn của anh T 01 lượng vàng 24k, việc này anh P trực tiếp mượn của anh T không có mặt chị L. Hiện nay anh T và chị L yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn anh P chấp nhận trả cho anh T 01 lượng vàng 24k, còn việc anh T có chia cho chị L hay không thì anh không có ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần Á trình bày:

Năm 2018 ông Huỳnh Tấn T và bà Nguyễn Thị Thùy L có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Á - Chi nhánh T5 02 khoản tiền tổng cộng là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Tính đến ngày 05/11/2019 ông T và bà L còn nợ Ngân hàng 776.520.000đ, trong đó 772.486.000đ nợ gốc và 4.034.000đ tiền lãi. Ông T và bà L có thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa 462, tờ bản đồ số 21, diện tích 417,5m^2, tại ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Ngân hàng chỉ đồng ý cho ông T và bà L thỏa thuận phân chia tài sản hoặc thực hiện giao dịch khác liên quan đến tài sản thế chấp sau khi ông T và bà L trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

Những người làm chứng Vương Cường P2, Lạc Đoàn Thụy Thùy H1, Vương Hớn K, Nguyễn Quang T3, Lê Thị Thanh T4 trình bày:

Ông Vương Cường P2 chủ tiệm V, bà Lạc Đoàn Thụy Thùy H1 chủ tiệm vàng Sáng, ông Vương Hớn K chủ tiệm V1, ông Nguyễn Quang T3 chủ tiệm V2, bà Lê Thị Thanh T4 chủ tiệm V3 đều trình bày có hợp đồng gia công vàng với anh T nhưng không có ký kết hợp đồng, các tiệm vàng này đều giao vàng

cho anh T gia công sau đó anh T giao vàng thành phẩm lại và nhận tiền công, không có việc anh T gửi vàng của anh T cho các tiệm vàng nêu trên.

Bản án dân sự sơ thẩm số 534/2023/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 28,146, 217, 246, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 59, 60, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy L về việc chia tài sản chung là ống vọt.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy L chia tài sản chung là 38 (Ba mươi tám) lượng vàng 24k.

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy L buộc anh Hà Tấn P có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Huỳnh Tấn T 10 chỉ vàng 24k khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy L và bị đơn Huỳnh Tấn T, cụ thể như sau:

3.1/ Anh Huỳnh Tấn T được quyền sở hữu 01 ti vi, 01 máy lạnh, 01 máy giặt, 01 giường nệm, 01 tủ lạnh, 02 nồi cơm điện, 01 máy ép trái cây, 01 hệ thống camera 08 camera con, 01 giường, 01 bàn làm việc, Công cụ dụng cụ dùng để sản xuất gia công vàng (01 máy cân vàng, 01 máy cắt ống vàng, 01 máy đánh bóng; 01 máy cắt dẻ, 01 máy rung kim, 01 máy bào lắc tay, 01 máy cân vàng điện tử, 40 mũi làm lắc), 01 xe bán tải hiệu Ford Ranger biển số 63C-11162.

3.2/ Anh Huỳnh Tấn T được quyền sử dụng 67,2m^2 của thửa đất số 3233, tờ bản đồ số 03 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00292 ngày 27/9/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Huỳnh Tấn T. Phần đất có vị trí địa lý như sau:

+ Đông giáp đất Nguyễn Thị Kim D.

+ Tây giáp thửa đất Nguyễn Thị L1.

+ Nam giáp đất Tạ Thị D1.

+ Bắc giáp đường N. (Có sơ đồ kèm theo)

3.3/ Anh Huỳnh Tấn T được quyền sử dụng 202,8m^2 của thửa đất số 462, tờ bản đồ số 21 tại ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09429 ngày 20/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Huỳnh Tấn T. Phần đất có vị trí địa lý như sau:

+ Đông giáp đất Nguyễn Cảnh Đ (Thửa 474).

+ Tây giáp thửa đất Nguyễn Thị Thùy L được chia (S1).

+ Nam giáp đất Trần Văn M1 Thửa 461).

+ Bắc giáp đường H. (Có sơ đồ kèm theo)

3.4/ Chị Nguyễn Thị Thùy L được quyền sử dụng 198,7m^2 của thửa đất số 462, tờ bản đồ số 21 tại ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09429 ngày 20/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Huỳnh Tấn T. Phần đất có vị trí địa lý như sau:

+ Đông giáp đất Huỳnh Tấn T được chia (S2).

+ Tây giáp thửa đất Trần Văn M1 (Thửa 461).

+ Nam giáp đất Trần Văn M1 (Thửa 461).

+ Bắc giáp đường H. (Có sơ đồ kèm theo)

Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Huỳnh Tấn T có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai theo quy định tại Điều 95 Luật Đất đai.

3.5/ Anh Huỳnh Tấn T trả cho chị Nguyễn Thị Thùy L giá trị tài sản chung là 457.200.000đ (Bốn trăm năm mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng).

3.6/ Chị Nguyễn Thị Thùy L có nghĩa vụ giao trả cho anh Huỳnh Tấn T 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 26/10/2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị L trình bày: Các tài sản như 02 thửa đất, tài sản trong nhà và xe thì chị L không kháng cáo phần này. Chị kháng cáo yêu cầu

cấp phúc thẩm xác định 38 lượng vàng 24k là tài sản chung của vợ chồng, yêu cầu anh T chia đôi số vàng này cho chị và số nợ Ngân hàng Á không phải 01 tỷ đồng vì trong thời gian chung sống vợ chồng có trả dần, chị yêu cầu xem xét lại khoản nợ này để chia mỗi người ½. Còn anh T cho rằng vợ chồng không có 38 lượng vàng 24k như vợ khai nên không đồng ý theo yêu cầu của chị L. Còn phần nợ Ngân hàng Á, khi vợ chồng anh ly hôn thì còn nợ 826.000.000 đồng, sau đó anh đã trả hết số nợ cho Ngân hàng nên chị L trả lại anh 413.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T trình bày:

+ Phần nợ Ngân hàng Á: Anh chị thống nhất khi vợ chồng ly hôn còn nợ Ngân hàng số tiền 826.000.000 đồng, anh T đã trả hết nợ cho Ngân hàng nên chị L trả lại anh T 413.000.000 đồng, được anh T đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Đối với số vàng 38 lượng vàng 24k: Các chủ tiệm vàng đều xác định anh T có gia công cho các tiệm vàng, không làm hợp đồng, không có giấy tờ gì và họ cũng xác định anh T không có gởi vàng tại các tiệm vàng của họ. Chị L cho rằng vợ chồng có 38 lượng, nhưng không có giấy tờ gì để chứng minh, còn đoạn ghi âm mà chị L cung cấp là khi đó anh T đang tính toán sổ sách, số vàng 38 lượng là không có thật. Sau cùng luật sư đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Đối với số tiền vợ chồng nợ Ngân hàng Á thì ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chị L trả cho anh T số tiền 413.000.000 đồng. Đối với 38 lượng vàng 24k thì buộc anh T chia cho chị L 19 lượng vàng 24k, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị L yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn nên đây là tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn được qui định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa, chị L xác định tài sản chung của vợ chồng gồm: 02 thửa đất, các tài sản trong nhà và xe thì chị thống nhất như nội dung án sơ thẩm đã chia nên chị không kháng cáo phần này.

Đối với phần nợ Ngân hàng Á: Khi vợ chồng ly hôn còn nợ Ngân hàng 826.000.000 đồng, sau đó anh T đã trả hết nợ cho Ngân hàng nên chị L đồng ý trả lại anh T 413.000.000 đồng. Tại phiên tòa hai bên thống nhất thỏa thuận chị L trả cho anh T số tiền 413.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ngoài ra, chị L còn cho rằng vợ chồng có tài sản chung là 38 lượng vàng 24k hiện do anh T đang giữ nên chị yêu cầu chia đôi số vàng này. Còn anh T thì cho rằng vợ chồng không có 38 lượng vàng 24k như chị L khai nên anh không đồng ý chia.

Xét yêu cầu kháng cáo của chị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh T làm nghề gia công vàng bạc, anh nhận gia công các mặt hàng vàng nữ trang cho các tiệm vàng, số tiền gia công nhận được dùng vào việc sinh hoạt gia đình. Từ năm 2014 anh bắt đầu nhận gia công cho các tiệm vàng, đến tháng 3/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và anh T làm đơn xin ly hôn. Vợ chồng chung sống có dành dụm được 38 lượng vàng 24k, chứng cứ để chứng minh là đoạn ghi âm mà chị L đã ghi được vào tháng 2/2019 do chị L cung cấp, khi đó anh chị vẫn còn sống chung với nhau nhưng chưa ly hôn. Nội dung đoạn ghi âm này thể hiện vợ chồng có 38 lượng vàng 24k và anh T cũng đồng ý. Theo kết luận số 3546/KL-KTHS ngày 19/7/2023 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thì "*tiếng nói của người đàn ông trong file video mẫu cần giám định và tiếng nói của ông Huỳnh Tấn T trong file âm thanh mẫu so sánh là của cùng một người nói ra*". Tại phiên tòa, anh T cũng thừa nhận giọng nói của mình trong đoạn ghi âm này. Như vậy có đủ có sở xác định đoạn ghi âm mà chị L cung cấp là cuộc nói chuyện giữa chị L với anh T, trong đó thể hiện vợ chồng có 38 lượng vàng 24k. Sau khi vợ chồng ly hôn thì chị L đã dọn ra ngoài sống, số vàng này do anh T giữ nên chị L yêu cầu chia cho chị ½ là có cơ sở. Hơn nữa theo lời khai của bà Lê Thị Thanh T4 là chủ tiệm V3 (BL 148) xác định có hợp đồng gia công vàng nữ trang với anh T, cụ thể: Khi anh T giao vàng thành phẩm cho tiệm vàng thì cùng lúc đó bà giao lại vàng thô (chưa gia công) tương đương cùng với số tiền gia công cho anh T. Lời khai này của bà T4 phù hợp với bản tường trình của bà và các giấy tờ giao nhận hàng thành phẩm kèm theo do chị L nộp tại phiên tòa phúc thẩm, tức là anh T tự lấy vàng của mình làm theo đúng số

lượng, mẫu mã, trọng lượng đã được đặt trước, khi thành phẩm rồi đem giao cho các chủ tiệm vàng kiểm tra đúng với đơn đặt hàng thì nhận vàng nguyên liệu trả lại cùng với tiền gia công. Việc giao nhận vàng đều có sổ ghi chép, theo dõi. Anh T cho rằng: Anh có nhận vàng từ các tiệm vàng khác về làm gia công nhưng anh không có chứng cứ gì để chứng minh và không phù hợp với lời khai của bà T4. Hơn nữa vàng là loại kim khí đá quý, tất cả các giao dịch liên quan đến vàng đều phải có giấy tờ, sổ sách ghi chép để thanh toán dễ dàng. Tuy nhiên các chủ tiệm V4 khai rằng có giao vàng cho anh T gia công, sau đó anh T giao vàng thành phẩm và nhận tiền công, nhưng không làm hợp đồng, không làm giấy tờ gì cả là không phù hợp với thực tế. Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định vợ chồng anh chị có tài sản chung là 38 lượng vàng 24k, chị L yêu cầu chia ½ số vàng trên là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L. Buộc anh T chia cho chị L 19 lượng vàng 24k, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét lời bào chữa của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không có căn cứ xem xét.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị L được chấp nhận nên chị không phải chịu án phí phúc thẩm.

Về án phí DSST: Giá vàng 24k được niêm yết bán ra là: 6.400.000 đồng/ chỉ x 380 chỉ vàng = 2.432.000.000 đồng. Anh T chia chị L 190 chỉ vàng 24k với giá 1.216.000.000 đồng, nên anh T và chị L mỗi người phải chịu án phí chia tài sản theo qui định.

[4.1] Về án phí sơ thẩm: Cấp sơ thẩm tính án phí của chị L và anh T chưa phù hợp. Cụ thể:

Tổng giá trị tài sản anh T được nhận là 708.480.000 đồng, anh T phải chịu 32.339.000 đồng, không phải 16.169.600 đồng như án sơ thẩm.

Chị L được nhận giá trị tài sản 703.970.000 và 500.000.000 đồng (trả cho anh T), tổng cộng 1.203.970.000 đồng. Chị L phải chịu 48.119.000 đồng, không phải 28.079.400 đồng như án sơ thẩm.

[4.2] Như vậy án phí sơ thẩm của bản án chưa đúng với Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên cấp phúc thẩm tính lại. Cụ thể:

Giá trị tài sản anh T được nhận là 708.480.000 đồng + 1.216.000.000 đồng (giá 190 chỉ vàng 24k) = 1.924.480.000 đồng. Anh T phải chịu 69.734.000 đồng án phí chia tài sản.

Chị L được nhận giá trị tài sản 703.970.000 + 1.216.000.000 đồng (giá 190 chỉ vàng 24k) = 1.919.970.000 đồng, có nghĩa vụ trả anh T phần nợ Ngân hàng là 413.000.000 đồng. Chị L phải chịu 78.659.000 đồng án phí chia tài sản và án phí thực hiện nghĩa vụ.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thùy L.

Sửa bản án Hôn nhân sơ thẩm số 534/2023/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Điều 28,146, 217, 246, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 59, 60, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy L về việc chia tài sản chung là ống vọt.

2/ Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thùy L chia tài sản chung là 38 (Ba mươi tám) lượng vàng 24k.

Buộc anh Huỳnh Tấn T có nghĩa vụ chia lại cho chị L 19 (mười chín) lượng vàng 24k khi án có hiệu lực pháp luật.

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy L buộc anh Hà Tấn P có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Huỳnh Tấn T 10 chỉ vàng 24k khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy L và bị đơn Huỳnh Tấn T, cụ thể như sau:

3.1/ Anh Huỳnh Tấn T được quyền sở hữu 01 ti vi, 01 máy lạnh, 01 máy giặt, 01 giường nệm, 01 tủ lạnh, 02 nồi cơm điện, 01 máy ép trái cây, 01 hệ thống camera 08 camera con, 01 giường, 01 bàn làm việc, công cụ dụng cụ dùng

để sản xuất gia công vàng (01 máy cân vàng, 01 máy cắt ống vàng, 01 máy đánh bóng, 01 máy cắt dẻ, 01 máy rung kim, 01 máy bào lắc tay, 01 máy cân vàng điện tử, 40 mũi làm lắc), 01 xe bán tải hiệu Ford Ranger biển số 63C-11162.

3.2/ Anh Huỳnh Tấn T được quyền sử dụng 67,2m^2 của thửa đất số 3233, tờ bản đồ số 03 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00292 ngày 27/9/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Huỳnh Tấn T. Phần đất có vị trí địa lý như sau:

+ Đông giáp đất Nguyễn Thị Kim D.

+ Tây giáp thửa đất Nguyễn Thị L1.

+ Nam giáp đất Tạ Thị D1.

+ Bắc giáp đường N (Có sơ đồ kèm theo).

3.3/ Anh Huỳnh Tấn T được quyền sử dụng 202,8m^2 của thửa đất số 462, tờ bản đồ số 21 tại ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09429 ngày 20/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Huỳnh Tấn T. Phần đất có vị trí địa lý như sau:

+ Đông giáp đất Nguyễn Cảnh Đ (Thửa 474).

+ Tây giáp thửa đất Nguyễn Thị Thùy L được chia (S1).

+ Nam giáp đất Trần Văn M1 (Thửa 461).

+ Bắc giáp đường H (Có sơ đồ kèm theo).

3.4/ Chị Nguyễn Thị Thùy L được quyền sử dụng 198,7m^2 của thửa đất số 462, tờ bản đồ số 21 tại ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09429 ngày 20/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Huỳnh Tấn T. Phần đất có vị trí địa lý như sau:

+ Đông giáp đất Huỳnh Tấn T được chia (S2).

+ Tây giáp thửa đất Trần Văn M1 (Thửa 461).

+ Nam giáp đất Trần Văn M1 (Thửa 461).

+ Bắc giáp đường H (Có sơ đồ kèm theo).

Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Huỳnh Tấn T có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai theo quy định tại Điều 95 Luật Đất đai.

3.5/ Anh Huỳnh Tấn T trả cho chị Nguyễn Thị Thùy L giá trị tài sản chung là 457.200.000đ (Bốn trăm năm mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng).

3.6/ Ghi nhận thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị Thùy L trả cho anh Huỳnh Tấn T 413.000.000đ (Bốn trăm mười ba triệu đồng).

Thời gian giao nhận đất, tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

4/ Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 78.659.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị L đã tạm nộp 26.760.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01337 ngày 18/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, do vậy chị L phải nộp tiếp 51.899.000 đồng

- Anh Huỳnh Tấn T phải chịu 69.734.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Hà Tấn P phải chịu 2.820.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị L không phải chịu án phí phúc thẩm. H2 lại chị L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011926 ngày 25/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thơ